

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

CÁC MÔN THI KẾT THÚC MÔN LẦN 2 - HỌC KỲ II, NĂM HỌC: 2020-2021

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Môn thi lần 2	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi	Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú
						HS1	HS2			Lần 2	TB Môn	KQ2			
								4.0		6.0					
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/09/2005	01DD13C1	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		4.5	4.7	Đạt	4.7	Đạt	
2	1203360052	Trần Công Bách	08/10/2004	01DD13C1	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	4.0	5.5	5.0		3.0	3.8	Học Lại	3.8	Học Lại	
3	1203360099	Nguyễn Như Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		2.2	3.3	Học Lại	3.3	Học Lại	
4	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	Chăm sóc người bệnh nội khoa	5.0	8.0	7.0		3.6	5.0	Đạt	5.0	Đạt	
5	1203360033	Nguyễn Thị Thùy Như	01/09/2005	01DD13C1	Chăm sóc người bệnh nội khoa	5.0	6.0	5.7		3.2	4.2	Đạt	4.2	Đạt	
6	1203360052	Trần Công Bách	08/10/2004	01DD13C1	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ em và gia đình	6.0	4.5	5.0		3.8	4.3	Đạt	4.3	Đạt	
7	1193360126	Nguyễn Thị Hữu Oanh	17/11/1984	01KT12D1	Tiếng anh	8.8	9.4	9.2		9.0	9.1	Đạt	9.1	Đạt	
8	1203240029	Võ Thị Kim Hồng	25/10/1997	01KT13B1	Kế toán doanh nghiệp 1	7.0	7.0	7.0		5.8	6.3	Đạt	6.3	Đạt	
9	1203240007	Tạ Lâm Minh Mẫn	05/07/2000	01KT13B1	Kế toán doanh nghiệp 1	7.0	7.0	7.0		9.6	8.6	Đạt	8.6	Đạt	
10	1203360176	Nguyễn Kim Oanh	22/07/2004	01KT13C1	Phân tích hoạt động kinh doanh	6.0	5.0	5.3		Đợi giáo viên chấm xong bài thi - gửi điểm về PDT - PDT thông báo sau					
11	1203180018	Nguyễn Văn Quân	23/01/2002	01YS13A1	Bệnh ngoại khoa	4.0	5.5	5.0		6.8	6.1	Đạt	6.1	Đạt	
12	1203180007	Lê Thị Thanh Thúy	27/08/1983	01YS13A1	Bệnh nội khoa	8.0	7.0	7.3		6.8	7.0	Đạt	7.0	Đạt	
13	1203240054	Trương Thị Quyền Trân	07/07/2002	01YS13A1	Bệnh nội khoa	7.0	8.0	7.7		5.5	6.4	Đạt	6.4	Đạt	
14	1203360023	Phan Thanh Thảo	10/10/2005	01YS13C1	Bệnh ngoại khoa	3.0	6.0	5.0		5.0	5.0	Đạt	5.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Môn thi lần 2	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi	Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú
							HS1	HS2			Lần 2	TB Môn	KQ2			
									4.0		6.0					
15	2193360280	Uông Lê Trúc	Ly	28/12/2003	02DD12C1	Tiếng anh	8.9	8.9	8.9		5.0	6.6	Đạt	6.6	Đạt	
16	2193360280	Uông Lê Trúc	Ly	28/12/2003	02DD12C1	Pháp luật	7.5	5.0	5.8		5.5	5.6	Đạt	5.6	Đạt	
17	2193360026	Lê Thanh	Thanh	18/10/2004	02DD12C1	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	5.0	6.0	5.7		4.2	4.8	Đạt	4.8	Đạt	
18	2203240093	Nguyễn Thủy	Tiên	10/08/2001	02DD13A1	Chăm sóc sức khỏe sức khỏe phụ nữ bà mẹ trẻ em	5.0	6.0	5.7		7.3	6.6	Đạt	6.6	Đạt	
19	2203240216	Lê Thị Thanh	Giang	27/07/2001	02DD13B1	Chăm sóc sức khỏe sức khỏe phụ nữ bà mẹ trẻ em	4.0	9.5	7.7		5.5	6.4	Đạt	6.4	Đạt	
20	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2	Chăm sóc NB ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		5.2	5.1	Đạt	5.1	Đạt	
21	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2	Tiếng anh	7.5	6.0	6.5		9.5	8.3	Đạt	8.3	Đạt	
22	2203360271	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	09/08/2005	02DD13C2	Chính trị	5.5	8.0	7.2		5.2	6.0	Đạt	6.0	Đạt	
23	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	Pháp luật	8.0	7.0	7.3		4.8	5.8	Đạt	5.8	Đạt	
24	2203240015	Ngô Phương	Uyên	16/04/2000	02DS13A1	Tiếng anh	6.0	6.0	6.0		8.6	7.6	Đạt	7.6	Đạt	
25	2203240269	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/04/2002	02DS13A2	Hóa dược – dược lý 2	6.5	5.5	5.8		7.7	7.0	Đạt	7.0	Đạt	
26	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	Dược liệu	4.0	6.3	5.5		5.5	5.5	Đạt	5.5	Đạt	
27	2203360243	Phan Ngọc	Hân	20/06/2005	02DS13C2	Hóa dược – dược lý 2	8.5	4.9	6.1		7.5	6.9	Đạt	6.9	Đạt	
28	2203360181	Đinh Thân Vương	Nhi	30/09/2005	02DS13C2	Hóa dược – dược lý 2	3.0	6.2	5.1		7.8	6.7	Đạt	6.7	Đạt	
29	2203360321	Trần Thị Hồng	Nhi	29/07/2005	02DS13C2	Hóa dược – dược lý 2	3.0	6.0	5.0		4.5	4.7	Đạt	4.7	Đạt	
30	2203360119	Ngô Khánh	Vy	22/01/2006	02DS13D1	Hóa dược – dược lý 2	8.0	5.4	6.3		9.5	8.2	Đạt	8.2	Đạt	
31	1832420460	Trịnh Minh	Dũng	11/11/2000	02KT11A1	Tiếng anh	6.0	6.0	6.0		5.8	5.9	Đạt	5.9	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Môn thi lần 2	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi	Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú
							HS1	HS2			Lần 2	TB Môn	KQ2			
									4.0		6.0					
32	2203240162	Phan Thị Huỳnh	Như	29/08/1995	02KT13A1	Kế toán doanh nghiệp 1	5.0	5.0	5.0		7.0	6.2	Đạt	6.2	Đạt	
33	2203360203	Hà Xuân	Mai	07/11/2005	02KT13C1	Kế toán doanh nghiệp 1	6.0	6.0	6.0		6.0	6.0	Đạt	6.0	Đạt	
34	2203360200	Trần Lê Ngọc	Phúc	14/04/2005	02KT13C1	Kế toán doanh nghiệp 1	5.0	5.0	5.0		5.0	5.0	Đạt	5.0	Đạt	
35	1832420317	Diệp Lam	Trường	15/09/1999	02MK11A1	Tiếng anh	6.0	6.0	6.0		9.0	7.8	Đạt	7.8	Đạt	
36	1833620342	Trịnh Hoàng	Phúc	14/10/2002	02MK11C1	Tiếng anh	6.0	6.0	6.0		7.4	6.8	Đạt	6.8	Đạt	
37	2193360206	Dương Tuyết	Nhi	22/03/2004	02MK12C1	Tiếng anh	10.0	6.5	7.7		7.5	7.6	Đạt	7.6	Đạt	
38	2193360236	Nguyễn Hồng	Nguyên	23/09/1996	02MK12C1	Tiếng anh	7.0	5.0	5.7		9.3	7.8	Đạt	7.8	Đạt	
39	2203240087	Bùi Văn	Hoàng	04/06/1999	02MK13B1	Nghệ vụ marketing	6.0	6.5	6.3		Đội giáo viên chấm xong bài thi - gửi điểm về PDT - PDT thông báo sau					
40	2203240087	Bùi Văn	Hoàng	04/06/1999	02MK13B1	Hành vi khách hàng	7.5	8.5	8.2		8.0	8.1	Đạt	8.1	Đạt	
41	2203360238	Trần Thị Thùy	Linh	08/06/2005	02MK13C1	Hành vi khách hàng	6.0	7.0	6.7		7.6	7.2	Đạt	7.2	Đạt	
42	2203360190	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	02/12/2005	02MK13C1	Hành vi khách hàng	7.0	8.0	7.7		5.4	6.3	Đạt	6.3	Đạt	
43	2203360188	Trần Đoàn Thực	Hân	19/09/2005	02MK13C1	Định giá sản phẩm	4.0	7.0	6.0		7.3	6.8	Đạt	6.8	Đạt	
44	2203360238	Trần Thị Thùy	Linh	08/06/2005	02MK13C1	Định giá sản phẩm	5.0	6.5	6.0		8.8	7.7	Đạt	7.7	Đạt	
45	2203360286	Lê Thu Minh	Thanh	12/12/1998	02MK13C1	Định giá sản phẩm	5.0	5.0	5.0		9.3	7.6	Đạt	7.6	Đạt	
46	2203360092	Vũ Ngọc	Trang	03/12/2004	02MK13C1	Định giá sản phẩm	6.5	6.0	6.2		7.5	7.0	Đạt	7.0	Đạt	
47	2193240138	Nguyễn Thị	Nhường	03/02/1983	02SP12B1	Tin học	8.0	8.0	8.0		6.7	7.2	Đạt	7.2	Đạt	
48	2193360054	Nguyễn Hoàng Tấn	Lộc	05/08/2004	02TM12C1	Pháp luật	8.0	6.0	6.7		7.3	7.0	Đạt	7.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Môn thi lần 2	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi	Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú
							HS1	HS2			Lần 2	TB Môn	KQ2			
									4.0		6.0					
49	2203360285	Võ Quốc	Khánh	29/08/2003	02TM13C1	Quản trị mạng Windows Server	6.0	5.0	5.3		2.8	3.8	Học Lại	3.8	Học Lại	
50	2203360017	Trần Nhật	Nam	07/09/2004	02TM13C1	Quản trị mạng Windows Server	5.0	6.0	5.7		5.0	5.3	Đạt	5.3	Đạt	
51	2203360039	Nguyễn Tấn	Huy	04/09/2002	02TM13C1	Tiếng anh	5.0	5.0	5.0		4.2	4.5	Đạt	4.5	Đạt	
52	2193360294	Thái Thị Thúy	Hồng	10/10/1987	02YS12C1	Tiếng anh	8.5	8.5	8.5		3.5	5.5	Đạt	5.5	Đạt	
53	2203240204	Hiệp Sỹ Công	Minh	05/08/2002	02YS13A1	Bệnh nội khoa	7.0	7.0	7.0		4.2	5.3	Đạt	5.3	Đạt	
54	2203240187	Huỳnh Thúy	Vy	08/05/2002	02YS13A1	Bệnh nội khoa	9.0	9.0	9.0		4.0	6.0	Đạt	6.0	Đạt	
55	2203240177	Nguyễn Duy	Minh	08/10/2002	02YS13A1	Sức khỏe sinh sản	8.0	4.5	5.7		4.8	5.1	Đạt	5.1	Đạt	
56	2203240187	Huỳnh Thúy	Vy	08/05/2002	02YS13A1	Sức khỏe trẻ em	6.5	7.5	7.2		9.2	8.4	Đạt	8.4	Đạt	
57	2203240186	Trần Ngọc Thùy	Dương	18/05/2002	02YS13A2	Bệnh ngoại khoa	6.0	6.0	6.0		4.7	5.2	Đạt	5.2	Đạt	
58	2203240250	Huỳnh Thị Hồng	Nga	01/06/2002	02YS13A2	Bệnh ngoại khoa	7.0	5.0	5.7		5.0	5.3	Đạt	5.3	Đạt	
59	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	02YS13A2	Bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		3.8	4.3	Đạt	4.3	Đạt	
60	2203240283	Phạm Tấn	Tài	26/04/2001	02YS13A2	Bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		3.3	4.0	Đạt	4.0	Đạt	
61	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	02YS13A2	Bệnh nội khoa	8.5	7.5	7.8		4.7	6.0	Đạt	6.0	Đạt	
62	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	02YS13A2	Sức khỏe trẻ em	5.0	6.5	6.0		3.8	4.7	Đạt	4.7	Đạt	
63	2203240242	Phạm Lan	Anh	05/05/1999	02YS13A2	Sức khỏe sinh sản	8.0	5.5	6.3		6.0	6.1	Đạt	6.1	Đạt	
64	2203240291	Lê Tuấn	Anh	28/10/2001	02YS13A2	Sức khỏe sinh sản	7.5	4.0	5.2		3.7	4.3	Đạt	4.3	Đạt	
65	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	02YS13A2	Sức khỏe sinh sản	7.0	4.5	5.3		4.8	5.0	Đạt	5.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Môn thi lần 2	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi	Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	Ghi chú
						HS1	HS2			Lần 2	TB Môn	KQ2			
								4.0		6.0					
66	2203240242	Phạm Lan Anh	05/05/1999	02YS13A2	Bệnh ngoại khoa	7.0	8.0	7.7		5.3	6.2	Đạt	6.2	Đạt	
67	2203240018	Nguyễn Đình Bảo	01/05/1998	02YS13B1	Bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		6.3	5.8	Đạt	5.8	Đạt	
68	2203240018	Nguyễn Đình Bảo	01/05/1998	02YS13B1	Sức khỏe trẻ em	9.0	9.0	9.0		3.7	5.8	Đạt	5.8	Đạt	
69	2203360160	Nguyễn Anh Thư	05/10/2004	02YS13C1	Bệnh ngoại khoa	5.0	5.0	5.0		3.8	4.3	Đạt	4.3	Đạt	
70	2203360296	Lê Ngọc Mai	28/02/2005	02YS13C1	Sức khỏe sinh sản	8.0	4.0	5.3		4.7	5.0	Đạt	5.0	Đạt	
71	2203360269	Nguyễn Nhật Minh	09/10/2000	02YS13C1	Sức khỏe sinh sản	7.0	5.0	5.7		5.0	5.3	Đạt	5.3	Đạt	
72	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	02/02/2005	02YS13C1	Sức khỏe sinh sản	8.0	4.0	5.3		3.7	4.4	Đạt	4.4	Đạt	
73	2203360160	Nguyễn Anh Thư	05/10/2004	02YS13C1	Sức khỏe sinh sản	7.5	4.5	5.5		5.2	5.3	Đạt	5.3	Đạt	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG ĐIỂM



Võ Thụy Thanh Thảo